

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THỦY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Xuân Toàn và bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Q, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Q, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trong đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021, bản tự khai ngày 16/6/2021 và tại phiên tòa trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/3/2012. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của vợ chồng tại tổ dân phố 2, Quyết T, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống với nhau được 8 năm, nhưng hạnh phúc được một thời gian đầu, thời gian gần đây vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân do vợ, chồng không hiểu nhau, chị T nghi ngờ anh M ngoại tình với người khác, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ, chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: Nguyên đơn chị T trình bày: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tú Q, sinh ngày 21/9/2012 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2016. Hiện tại các con đang ở với chị T và anh M, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con vì chị T có việc làm, thu nhập ổn định, anh M hiện nay đang học lái xe không có việc làm, thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Hoàng Văn M*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa án để giải quyết vụ án, dù anh M đang làm ăn sinh sống tại địa phương. Đồng thời, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Hoàng Văn M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì chị T và anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/3/2012, nên hôn nhân của chị T và anh M là hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn chị T tại phiên tòa thì cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh M không tìm được tiếng nói chung, nghi ngờ anh M có quan hệ với người khác. Mặc dù chị T đã cố gắng chịu đựng, nhưng phía anh M không có thiện chí xây dựng. Vì vậy, tình cảm vợ chồng rạn nứt và thường xuyên xảy ra xung đột với nhau.

[4] Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M thực tế như chị T trình bày, mâu thuẫn xảy ra thời gian dài không thể hàn gắn được, vợ chồng không quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị

T được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì vợ, chồng chị T và anh M có 02 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tú Q, sinh ngày 21/9/2012 và Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2016. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị T và anh M. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, với lý do chị T có việc làm, thu nhập ổn định, chị T là công nhân cao su của Công ty L và theo văn bản xác nhận của Công ty L ngày 19/8/2021, thu nhập trung bình của chị T là 6.980.600 đồng/tháng; theo trình bày của chị T, anh M hiện nay chưa có việc làm, đang học lái xe, thu nhập không ổn định. Đồng thời, theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Q (là con chung trên 9 tuổi) thì cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị T có nguyện vọng xin được nuôi 02 con là phù hợp với điều kiện sống, thu nhập thực tế của nguyên đơn và bị đơn cũng như các yếu tố khác về điều kiện sống, học tập và phát triển của 02 con chung tại thời điểm hiện nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tú Q, sinh ngày 21/9/2012 và Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2016 và anh M trước mắt không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này, khi điều kiện của các đương sự thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn M.

2. Giao 02 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tú Q, sinh ngày 21/9/2012 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hoàng Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hoàng Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2020/0001287 ngày 27/5/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn anh Hoàng Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBNDTTNT L (ĐKKH ngày 20/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Hải**